TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/KDTM – ST
Ngày 27 tháng 8 năm 2020
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH PHÚ THỌ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

  Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Mai;
  Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Đức Trưởng và ông Trịnh Minh Hải.
- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Tân Khải Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà:*** Ông Đinh Xuân Tiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2020/TLST- KDTM ngày 20 tháng 4 năm 2020 về việc *"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐXX-KDTM ngày 20/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2020/QĐST-KDTM, ngày 30/7/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Công ty Cổ phần Tập đoàn H**;

Trụ sở: Số 9, Đại lộ Th, khu Công nghiệp S II, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Quốc Tr – Chức vụ: Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Quốc B – Chức vụ Giám đốc chi nhánh Phú Thọ (theo văn bản ủy quyền số 100 ngày 12/12/2019).

(có mặt tại phiên tòa)

- *Bị đơn*: **Ông Nguyễn Hồng V**, sinh năm 1977;

Nguyên là chủ Doanh nghiệp Tư nhân T

Nơi ĐKNKTT: Khu 1, xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Hiện nay là Giám đốc Công ty TNHH xây dựng và thương mại Đ.

Địa chỉ trụ sở: Xóm Tr, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2019, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn, Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày:

Ngày 20/11/2018, Công ty Cổ phần Tập đoàn H – Chi nhánh Phú Thọ ***("Chi nhánh Phú Thọ")*** và Doanh nghiệp Tư nhân T do anh Nguyễn Hồng V làm chủ ***("T")*** đã ký kết với nhau Hợp đồng nguyên tắc số 20 – 11/2018/HĐNT/HSPT – HH về việc mua, bán tôn, ống thép; theo đó, các bên đã quy định cụ thể trong Hợp đồng về đối tượng mua bán, việc đặt, giao hàng, quyền và nghĩa vụ của các bên, phương thức thanh toán cho từng lần mua bán, chế tài phạt, bồi thường thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ, hiệu lực của Hợp đồng.

Sau khi ký kết Hợp đồng, bộ phận bán hàng tại xã T, huyện T thuộc Chi nhánh Phú Thọ đã bán cho T số lượng Tôn, Thép với trị giá: 318.047.872 đ, bên mua đã nhận đủ hàng, không có yêu cầu, khiếu nại về chất lượng, quy cách hàng hóa.

T đã thanh toán được số tiền là 58.047.169 đồng cho Chi nhánh Phú Thọ. Tại biên bản đối chiếu công nợ lần cuối vào ngày 01/12/2019, hai bên xác nhận T còn phải thanh toán cho Chi nhánh Phú Thọ số tiền 260.000.703 đ. Tuy nhiên, chủ sở hữu của T – anh Nguyễn Hồng V đã không thực hiện nghĩa vụ như các bên đã cam kết với nhau.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Công ty Cổ phần Tập đoàn Tôn H ***("Tôn H")*** yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Hồng V có trách nhiệm trả tổng số tiền là 320.000.703đ cụ thể các khoản Tôn H yêu cầu là:

- *Thanh toán số tiền mua hàng còn nợ là 260.000.703 đ;*
- *Trả tiền lãi trên số tiền chậm trả kể từ ngày 15/02/2019 cho đến ngày 27/8/2020 theo mức 0,83%/01 tháng với số tiền là 39.819.286đ;.*
- *Phạt vi phạm theo mức 8% trên tổng số tiền chậm thanh toán là 20.800.056 đ*

(260.000.703 x 8%) với số tiền là 20.800.056đ.

Phía bị đơn, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên Chủ Doanh nghiệp tư nhân T – anh Nguyễn Hồng V Trình bày:

Ngày 12/6/2014, Doanh nghiệp Tư nhân T do anh là chủ sở hữu được Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Ngày 16/11/2018, anh có đơn đề nghị chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Trách nhiệm Hữu Hạn một thành viên. Ngày 22/11/2018, T được chuyển đổi thành Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Đ ***("Đ")*** do anh là người đại diện theo pháp luật.

Anh V xác nhận ngày 20/11/2018, đã ký kết Hợp đồng nguyên tắc 20 – 11/2018/HĐNT/HSPT – HH về việc mua, bán tôn, ống thép với Công ty Cổ phần tập đoàn Tôn H. Tuy nhiên, sau đó anh V không thông báo cho Tôn H biết ngày 22/11/2018, T đã thay đổi loại hình doanh nghiệp. Vì vậy, việc mua hàng từ Chi nhánh Phú Thọ vẫn diễn ra bình thường. Bên cạnh đó, anh V cũng xác nhận số tiền đã thanh toán, số tiền còn nợ lại trong quá trình mua bán như Chi nhánh Phú Thọ trình bày là đúng.

Nay Tôn H yêu cầu anh trả nốt số tiền còn nợ, tính tiền lãi chậm trả và phạt vi phạm hợp đồng, quan điểm của anh như sau:

+ Đối với số tiền *260.000.703 đ, anh V đồng ý trả nhưng anh xin được trả dần;*
+ *Đối với các khoản tiền phạt, tiền lãi chậm trả trên phần nghĩa vụ chưa thanh toán anh không đồng ý trả.*

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, Nguyên đơn, đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; Bị đơn chấp hành chưa đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

- *Về nội dung giải quyết vụ án*: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa của Công ty Cổ phần Tập đoàn Tôn H

với ông Nguyễn Hồng V – Nguyên là chủ doanh nghiệp tư nhân T. Buộc anh Nguyễn Hồng V có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Tôn H tổng số tiền: 320.620.045đ. Trong đó bao gồm: Tiền mua hàng còn nợ: 260.000.703 đ; Tiền chậm thanh toán kể từ ngày 15/2/2019 cho đến ngày xét xử (27/8/2020): 39.819.286đ; Tiền phạt vi phạm: 20.800.056đ. Do yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận nên Bị đơn phải nộp tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về pháp luật tố tụng: Công ty Cổ phần Tập đoàn H có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ giải quyết tranh chấp "Hợp đồng mua bán hàng hóa" với Chủ doanh nghiệp Tư nhân T là anh Nguyễn Hồng V; ngày 22/11/2018, Doanh nghiệp Tư nhân T đã chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty TNHH một thành viên Đ do anh Nguyễn Hồng V là người đại diện theo pháp luật, có địa chỉ trụ sở tại xóm T, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Vì vậy, Tòa án xác định nơi làm việc của anh Nguyễn Hồng V là nơi Công ty Đ có trụ sở chính. Căn cứ vào khoản 1, Điều 30, điểm b, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Hoạt động mua bán hàng hóa giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn H với Doanh nghiệp Tư nhân T đều phát sinh giữa tổ chức, cá nhân có hoạt động đăng ký kinh doanh với nhau, nên pháp luật áp dụng để giải quyết nội dung tranh chấp là Luật Thương mại, Luật Doanh nghiệp và các văn bản có liên quan.

[2]. Về pháp luật nội dung:

[2.1]. Tính Hợp pháp của Hợp đồng nguyên tắc số 20 – 11/2018/HĐNT/HSPT – HH ("Hợp đồng Nguyên tắc").

Ngày 20/11/2018, Chi nhánh Phú Thọ và Doanh nghiệp tư nhân T do anh Nguyễn Hồng V làm chủ doanh nghiệp đã ký kết hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán Tôn, ống Thép. Đối với Hợp đồng này, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chủ thể tham gia Hợp đồng đều có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự, nội dung Hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, việc giao kết hợp đồng dựa trên nguyên tắc tự

nguyện, hàng hóa được mua bán không phải mặt hàng cấm kinh doanh. Mặc dù, ngày 20/11/2018 các bên giao kết hợp đồng đến ngày 22/11/2018, Doanh nghiệp Tư nhân T đã chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Đ. Tuy nhiên, chủ doanh nghiệp là anh V đã không thông báo với Chi nhánh Phú Thọ về việc thay đổi loại hình kinh doanh như quy định tại điểm d, Điều 199 của Luật doanh nghiệp năm 2014 *"Chủ doanh nghiệp tư nhân có thỏa thuận bằng văn bản với các bên của hợp đồng chưa thanh lý về việc công ty trách nhiệm hữu hạn được chuyển đổi tiếp nhận và thực hiện các hợp đồng đó"*. Hơn nữa, hàng hóa nhập từ Chi nhánh Phú Thọ vẫn được các bên thực hiện đúng theo nội dung của Hợp đồng nguyên tắc đã ký. Vì vậy, Hợp đồng nêu trên có hiệu lực ràng buộc giữa Chi nhánh Phú Thọ và anh Nguyễn Hồng V.

[2.2]. Đối với yêu cầu của Nguyên đơn buộc Bị đơn thanh toán tiền số tiền còn nợ lại, trả tiền lãi trên số tiền chậm thanh toán và phạt việc vi phạm Hợp đồng.

Đối với yêu cầu Bị đơn thanh toán số tiền hàng còn nợ, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại biên bản đối chiếu công nợ lần cuối giữa anh Nguyễn Hồng V và Chi nhánh Phú Thọ vào ngày 01/12/2019, hai bên xác nhận anh V – Chủ doanh nghiệp Tư nhân T còn phải thanh toán cho Chi nhánh Phú Thọ số tiền 260.000.703 đ. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Hồng V xác nhận số tiền mua hàng còn nợ như Tôn H yêu cầu là đúng. Tuy nhiên, anh đề nghị trả dần vì công trình khi phía bên anh làm xong các đối tác còn nợ tiền nên chưa có điều kiện để trả nợ.

Đối với việc thanh toán thì tại khoản 7.2 của Hợp đồng nguyên tắc ngày 20/11/2018 giữa Chi nhánh Phú Thọ và T, đã quy định *"Bên mua hoàn tất việc thanh toán trong vòng 03 (ba) ngày kể từ ngày thông báo giao hàng nhưng phải thanh toán trước khi nhận hàng"*. Bên cạnh đó, tại khoản 1, Điều 50 của Luật Thương mại thì việc thanh toán tiền mua bán hàng hóa nếu các bên không có thỏa thuận khác thì sẽ được thực hiện như sau:

"1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và nhận hàng theo thỏa thuận.

2. Bên mua phải tuân thủ các phương thức thanh toán, thực hiện việc thanh toán

theo trình tự, thủ tục đã thỏa thuận và theo quy định của pháp luật."

Mặc dù, ngày 22/11/2018, Doanh Nghiệp Tư nhân T đã được chuyển đổi thành Công ty TNHHH Thương mại và Xây dựng Đ nhưng sau khi chuyển đổi anh V không thông báo, cho các bên tham gia hợp đồng biết về việc thay đổi loại hình doanh nghiệp. Chi nhánh Phú Thọ và anh V vẫn thực hiện việc mua bán các loại tôn, thép theo Hợp đồng nguyên tắc mà hai bên đã ký kết. Mặt khác, tại Cam kết của chủ doanh nghiệp tư nhân T ngày 16/11/2018 thì ông Nguyễn Hồng V đã cam kết "*chịu trách nhiệm cá nhân bằng toàn bột tài sản của mình đối với tất cả các khoản nợ chưa thanh toán của doanh nghiệp tư nhân và cam kết thanh toán đủ số nợ khi đến hạn*" theo quy định tại điểm c, Điều 199, Luật doanh nghiệp. Do đó, cá nhân anh Nguyễn Hồng V phải có trách nhiệm đối với khoản nợ với Tôn H.

Dựa vào những nhận định, đánh giá, đối chiếu với quy định của pháp luật được viện dẫn nêu trên, Hội đồng xét xử buộc anh Nguyễn Hồng V – Nguyên Chủ doanh nghiệp Tư nhân T có trách nhiệm thanh toán cho Tôn H số tiền còn nợ theo hợp đồng mua bán là 260.000.703 đ là phù hợp với quy định tại Điều 183, 185, điểm c, Điều 199 của Luật Doanh nghiệp và khoản 1 Điều 50 của Luật Thương Mại.

Đối với yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả của Tôn H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Sau khi các bên ký kết Hợp đồng nguyên tắc, Chi nhánh Phú Thọ đã nhiều lần bán hàng cho T, tại bản đối chiếu công nợ ngày 01/12/2019, hai bên xác nhận *"tính đến ngày 30/11/2019",* anh V – Chủ doanh nghiệp Tư nhân T còn phải thanh toán cho Tôn H số tiền 260.000.703 đ *(bút lục số 03).* Căn cứ vào nội dung bản đối chiếu công nợ xác định được, hàng hóa đã chuyển giao đầy đủ cho T, mà theo quy định tại Điều 7.2 của Hợp đồng nguyên tắc ngày thì *"Bên mua hoàn tất việc thanh toán trong vòng 03 (ba) ngày kể từ ngày thông báo giao hàng nhưng phải thanh toán trước khi nhận hàng".* Như vậy, anh V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Tôn H trước khi các bên lập Biên bản đối chiếu công nợ. Tuy nhiên, Tôn H chỉ xác định ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán là ngày 15/02/2019, việc xác định ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán sau ngày các bên đối chiếu công nợ là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử xác định thời gian vi phạm nghĩa vụ thanh toán kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ đến ngày Tòa án xét xử vụ án là 559 ngày.

Theo quy định tại Điều 306, Luật Thương mại thì *"Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác."*.

Tại các Biên bản xác minh ngày 20/7/2020 của Tòa án tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện T; Ngân hàng Bưu điện Liên Việt phòng giao dịch huyện T, tỉnh Phú Thọ và của Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam phòng giao dịch huyện Th thì xác định mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường hiện nay là 16,1%/ năm. Do đó, việc Tôn H yêu cầu ông V phải chịu mức lãi chậm trả/thời gian chậm trả tương ứng với mức 10%/01 năm là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, căn cứ vào những nhận định đánh giá nêu trên, đối chiếu với quy định của pháp luật thì anh Nguyễn Hồng V – Nguyên Chủ doanh nghiệp Tư nhân T có trách nhiệm thanh toán tiền lãi chậm trả cho Tôn H bằng: 260.000.703 đ x 10% x 559 ngày = 39.819.286đ.

Đối với yêu cầu phạt vi phạm Hợp đồng của Tôn H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Như đánh giá, nhận xét nêu trên, anh V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Tôn H. Tại mục 13.1.1, Điều 13 của Hợp đồng nguyên tắc các bên đã quy định *"Nếu Bên mua thanh toán trễ thì bên mua phải chịu một khoản tiền phạt cho bên bán bằng 1% (một phần trăm) phần thanh toán trễ cho mỗi ngày chậm trễ"*. Mặc dù, hai bên đã quy định mức phạt vi phạm nghĩa vụ, nhưng mức phạt này không phù hợp với quy định của pháp luật; Vì vậy, trong quá trình giải quyết vụ án, Tôn H đã yêu cầu phạt vi phạm tương ứng với 8% của nghĩa vụ vi phạm. Tại Điều 300 và 301 của Luật Thương mại có quy định về việc này như sau:

"Điều 300. *Phạt vi phạm*

Phạt vi phạm là việc bên bị vi phạm yêu cầu bên vi phạm trả một khoản tiền phạt do vi phạm hợp đồng nếu trong hợp đồng có thoả thuận, trừ các trường hợp miễn trách nhiệm quy định tại Điều 294 của Luật này.

Điều 301. *Mức phạt vi phạm*

Mức phạt đối với vi phạm nghĩa vụ hợp đồng hoặc tổng mức phạt đối với nhiều vi phạm do các bên thoả thuận trong hợp đồng, nhưng không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm, trừ trường hợp quy định tại Điều 266 của Luật này".

Như vậy, việc Tôn H yêu cầu anh Nguyễn Hồng V – Nguyên Chủ doanh nghiệp Tư nhân T phải chịu mức phạt vi phạm hợp đồng là 8%/số tiền vi phạm có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 300 và 301 của Luật Thương mại nên được chấp nhận. Cụ thể số tiền phạt là: 260.000.703 đ x 8% = 20.800.56 đ.

[2.3]. Đối với quan điểm, đề nghị của anh V về việc xin được trả dần số tiền hàng còn nợ; không chấp nhận trả tiền lãi chậm thanh toán và phạt do vi phạm Hợp đồng.

Căn cứ vào những nhận định, đánh giá tại mục 2.2 nêu trên đã xác định được hiện Bị đơn còn nợ Nguyên đơn số tiền hàng chưa thanh toán, đồng thời làm rõ các vi phạm nghĩa vụ thanh toán của Bị đơn. Trong Hợp đồng nguyên tắc được ký kết giữa các bên và khoản 1, Điều 50, Điều 300, Điều 301 và Điều 306 Luật Thương mại đã quy định rõ trách nhiệm của bên mua hàng hóa, trách nhiệm do vi vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Mặt khác, phía nguyên đơn không đồng ý với quan điểm của Bị đơn. Vì vậy, không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Bị đơn.

[2.4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Nguyễn Hồng V phải chịu án phí sơ thẩm do yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận.

[4]. Về nghĩa vụ thi hành án: Cùng với các khoản tiền mà anh Nguyễn Hồng V – Nguyên Chủ doanh nghiệp Tư nhân T phải trả cho Tôn H, thì anh V còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án. Mức lãi suất được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 50 và các Điều 300, 301 và 306 của Luật Thương mại năm 2005; căn cứ khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 và danh mục được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa của Công ty Cổ phần Tập đoàn Tôn H với ông Nguyễn Hồng V – Nguyên là chủ doanh nghiệp tư nhân T.

Buộc anh Nguyễn Hồng V – Nguyên Chủ Doanh nghiệp tư nhân T có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Tôn H tổng số tiền là: 320.620.045đ (ba trăm hai mươi triệu sáu trăm hai mươi nghìn không trăm bốn mươi lăm đồng).

Trong đó, gồm có: + Tiền mua hàng còn nợ: 260.000.703đ (hai trăm sáu mươi triệu bảy trăm linh ba đồng);

+ Tiền lãi chậm thanh toán kể từ ngày 15/2/2019 cho đến ngày xét xử (27/8/2020) với mức lãi suất 10%/1 năm là: 39.819.286đ (ba mươi chín triệu tám trăm mười chín nghìn hai trăm tám mươi sáu đồng).

+ Tiền phạt vi phạm với mức 8%/số tiền vi phạm là: 20.800.056đ (hai mươi triệu tám trăm nghìn không trăm năm mươi sáu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và Công ty Cổ phần Tập đoàn Tôn H có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Nguyễn Hồng V chưa thi hành án thì anh V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Hồng V phải chịu 16.031.000đ (mười sáu triệu không trăm ba mươi mốt nghìn đồng) tiền án phí dân Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho Công ty Cổ phần tập đoàn Tôn H số tiền 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

AA/2019/0003501 ngày 08/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

4. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Mai